

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 543/KH-GDDT

Quận 7, ngày 25 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH  
SỐ LỚP VÀ SỐ HỌC SINH CÁC TRƯỜNG MẦM NON, MẪU GIÁO TƯ THỰC  
NĂM HỌC 2022-2023

| STT | Đơn vị                                      | Số nhóm, lớp - Số học sinh |                 |               |                |                |                 |    |             |             |                   |                     |     |               |                |                |                      |     |             |             |             |
|-----|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------|---------------|----------------|----------------|-----------------|----|-------------|-------------|-------------------|---------------------|-----|---------------|----------------|----------------|----------------------|-----|-------------|-------------|-------------|
|     |                                             | TS<br>nhóm<br>lớp          | Số nhóm nhà trẻ |               |                |                | Số lớp mẫu giáo |    |             |             | TS<br>học<br>sinh | Số học sinh nhà trẻ |     |               |                |                | Số học sinh mẫu giáo |     |             |             |             |
|     |                                             |                            | TS              | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng  | TS | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi |                   | 5-6<br>tuổi         | TS  | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng       | TS  | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi | 5-6<br>tuổi |
| I   | Phường Tân Thuận Đông                       | 37                         | 12              | 0             | 1              | 8              | 3               | 25 | 9           | 7           | 9                 | 714                 | 194 | 0             | 5              | 65             | 124                  | 520 | 158         | 170         | 192         |
| 1   | Trường MN Nam Long (CS 487/19)              | 4                          | 1               |               |                | 1              |                 | 3  | 1           | 1           | 1                 | 59                  | 16  |               |                | 8              | 8                    | 43  | 14          | 14          | 15          |
|     | (CS 72 đường số 10)                         | 5                          | 2               |               | 1              | 1              |                 | 3  | 1           | 1           | 1                 | 57                  | 20  |               | 5              | 7              | 8                    | 37  | 12          | 13          | 12          |
|     | (CS 02 đường số 9)                          | 5                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 3  | 1           | 1           | 1                 | 65                  | 20  |               |                | 10             | 10                   | 45  | 15          | 15          | 15          |
| 2   | Trường MN Chim Cánh Cụt                     | 4                          | 1               |               |                | 1              |                 | 3  | 1           | 1           | 1                 | 95                  | 20  |               |                |                | 20                   | 75  | 25          | 25          | 25          |
| 3   | Trường MN Ngôi Nhà Mơ Ước<br>Chung cư (CS3) | 4                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 2  | 1           |             | 1                 | 75                  | 35  |               |                | 15             | 20                   | 40  | 12          | 13          | 15          |
|     | (CS2) TXS                                   | 4                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 2  | 1           |             | 1                 | 78                  | 33  |               |                | 15             | 18                   | 45  | 15          | 15          | 15          |
| 4   | Trường MN Emasi Nam Long                    | 3                          | 0               |               |                |                |                 | 3  | 1           | 1           | 1                 | 90                  | 0   |               |                |                |                      | 90  | 25          | 30          | 35          |
| 5   | Trường MN ABC                               | 5                          | 1               |               |                | 1              |                 | 4  | 1           | 1           | 2                 | 140                 | 25  |               |                |                | 25                   | 115 | 25          | 30          | 60          |
| 6   | Trường MN Xanh Lá                           | 3                          | 1               |               |                | 1              |                 | 2  | 1           | 1           |                   | 55                  | 25  |               |                | 10             | 15                   | 30  | 15          | 15          |             |

| STT | Đơn vị                          | Số nhóm, lớp - Số học sinh |                 |               |                |                |                |                 |             |             |             |                   |                     |               |                |                |                |                      |             |             |             |
|-----|---------------------------------|----------------------------|-----------------|---------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|-------------|-------------|-------------|-------------------|---------------------|---------------|----------------|----------------|----------------|----------------------|-------------|-------------|-------------|
|     |                                 | TS<br>nhóm<br>lớp          | Số nhóm nhà trẻ |               |                |                |                | Số lớp mẫu giáo |             |             |             | TS<br>học<br>sinh | Số học sinh nhà trẻ |               |                |                |                | Số học sinh mẫu giáo |             |             |             |
|     |                                 |                            | TS              | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng | TS              | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi | 5-6<br>tuổi |                   | TS                  | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng | TS                   | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi | 5-6<br>tuổi |
| II  | Phường Tân Thuận Tây            | 19                         | 5               | 0             | 0              | 1              | 4              | 14              | 5           | 4           | 5           | 412               | 85                  | 0             | 0              | 15             | 70             | 327                  | 95          | 105         | 127         |
| 7   | Trường MN Hoa Phượng Đỏ         | 3                          | 1               |               |                |                | 1              | 2               | 1           |             | 1           | 75                | 20                  |               |                |                | 20             | 55                   | 15          | 15          | 25          |
| 8   | Trường MN Hoa Ti Gôn            | 4                          | 1               |               |                |                | 1              | 3               | 1           | 1           | 1           | 87                | 20                  |               |                |                | 20             | 67                   | 20          | 20          | 27          |
| 9   | Trường MN Học Viện Thiên Thần   | 9                          | 3               |               |                | 1              | 2              | 6               | 2           | 2           | 2           | 175               | 45                  |               |                | 15             | 30             | 130                  | 35          | 45          | 50          |
| 10  | Trường MN MaiKa                 | 3                          | 0               |               |                |                |                | 3               | 1           | 1           | 1           | 75                | 0                   |               |                |                |                | 75                   | 25          | 25          | 25          |
| III | Phường Bình Thuận               | 11                         | 4               | 0             | 0              | 3              | 1              | 7               | 3           | 1           | 3           | 245               | 75                  | 0             | 0              | 37             | 38             | 170                  | 50          | 50          | 70          |
| 11  | Trường MN Hoàng Anh             | 3                          | 1               |               |                | 1              |                | 2               | 1           |             | 1           | 75                | 20                  |               |                | 10             | 10             | 55                   | 15          | 15          | 25          |
| 12  | Trường MN Thế Giới Xanh         | 5                          | 2               |               |                | 1              | 1              | 3               | 1           | 1           | 1           | 90                | 30                  |               |                | 15             | 15             | 60                   | 20          | 20          | 20          |
| 13  | Trường MN Khôi Nguyên           | 3                          | 1               |               |                | 1              |                | 2               | 1           |             | 1           | 80                | 25                  |               |                | 12             | 13             | 55                   | 15          | 15          | 25          |
| IV  | Phường Tân Kiểng                | 20                         | 3               | 0             | 0              | 2              | 1              | 17              | 5           | 6           | 6           | 625               | 60                  | 0             | 0              | 30             | 30             | 565                  | 150         | 215         | 200         |
| 14  | Trường MG Hướng Dương           | 8                          | 0               |               |                |                |                | 8               | 2           | 3           | 3           | 310               | 0                   |               |                |                |                | 310                  | 70          | 120         | 120         |
| 15  | Trường MG Bình Minh             | 3                          | 0               |               |                |                |                | 3               | 1           | 1           | 1           | 80                | 0                   |               |                |                |                | 80                   | 30          | 35          | 15          |
| 16  | Trường MN Ngôi Sao Hạnh Phúc    | 5                          | 2               |               |                | 1              | 1              | 3               | 1           | 1           | 1           | 130               | 40                  |               |                | 20             | 20             | 90                   | 25          | 30          | 35          |
| 17  | Trường MN Sao Mai               | 4                          | 1               |               |                | 1              |                | 3               | 1           | 1           | 1           | 105               | 20                  |               |                | 10             | 10             | 85                   | 25          | 30          | 30          |
| V   | Phường Tân Qui                  | 21                         | 6               | 0             | 0              | 3              | 3              | 15              | 6           | 5           | 4           | 555               | 120                 | 0             | 0              | 50             | 70             | 435                  | 155         | 145         | 135         |
| 18  | Trường MN Mặt Trời Bé Con (CS1) | 10                         | 3               |               |                | 1              | 2              | 7               | 3           | 2           | 2           | 270               | 60                  |               |                | 20             | 40             | 210                  | 80          | 60          | 70          |
|     | (CS2)                           | 7                          | 2               |               |                | 1              | 1              | 5               | 2           | 2           | 1           | 185               | 40                  |               |                | 20             | 20             | 145                  | 50          | 60          | 35          |



| STT | Đơn vị                      | Số nhóm, lớp - Số học sinh |                 |               |                |                |                 |    |             |             |                   |                     |     |               |                |                |                      |     |             |             |             |
|-----|-----------------------------|----------------------------|-----------------|---------------|----------------|----------------|-----------------|----|-------------|-------------|-------------------|---------------------|-----|---------------|----------------|----------------|----------------------|-----|-------------|-------------|-------------|
|     |                             | TS<br>nhóm<br>lớp          | Số nhóm nhà trẻ |               |                |                | Số lớp mẫu giáo |    |             |             | TS<br>học<br>sinh | Số học sinh nhà trẻ |     |               |                |                | Số học sinh mẫu giáo |     |             |             |             |
|     |                             |                            | TS              | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng  | TS | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi |                   | 5-6<br>tuổi         | TS  | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng       | TS  | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi | 5-6<br>tuổi |
| 19  | Trường MN Mai Vàng          | 4                          | 1               |               |                | 1              | 3               | 1  | 1           | 1           | 100               | 20                  |     |               | 10             | 10             | 80                   | 25  | 25          | 30          |             |
| VI  | Phường Tân Phú              | 40                         | 8               | 0             | 0              | 4              | 4               | 32 | 11          | 10          | 11                | 930                 | 155 | 0             | 0              | 45             | 110                  | 775 | 225         | 250         | 300         |
| 20  | Trường MN Bông Hoa Nhỏ      | 10                         | 3               |               |                | 1              | 2               | 7  | 2           | 2           | 3                 | 240                 | 60  |               |                | 20             | 40                   | 180 | 50          | 60          | 70          |
| 21  | Trường MN Canada-Việt Nam   | 13                         | 2               |               |                |                | 2               | 11 | 4           | 4           | 3                 | 300                 | 40  |               |                |                | 40                   | 260 | 80          | 90          | 90          |
| 22  | Trường MN Cỏ Ba Lá          | 3                          | 1               |               |                | 1              | 2               |    | 1           |             | 1                 | 80                  | 20  |               |                | 10             | 10                   | 60  | 15          | 10          | 35          |
| 23  | Trường MN Ngôi Nhà Thứ 2    | 4                          | 1               |               |                | 1              | 3               | 1  | 1           | 1           | 70                | 20                  |     |               | 10             | 10             | 50                   | 15  | 15          | 20          |             |
| 24  | Trường MN Tuổi Thơ Kỳ Diệu  | 4                          | 1               |               |                | 1              | 3               | 1  | 1           | 1           | 60                | 15                  |     |               | 5              | 10             | 45                   | 15  | 15          | 15          |             |
| 25  | Trường MG Tắc Rối           | 6                          | 0               |               |                |                | 6               | 2  | 2           | 2           | 180               | 0                   |     |               |                |                | 180                  | 50  | 60          | 70          |             |
| VII | Phường Tân Hưng             | 42                         | 11              | 0             | 0              | 7              | 4               | 31 | 11          | 8           | 12                | 953                 | 216 | 0             | 0              | 94             | 122                  | 737 | 213         | 238         | 286         |
| 26  | Trường MN Việc Úc (CS1)     | 7                          | 0               |               |                |                | 7               | 2  | 2           | 3           | 158               | 0                   |     |               |                |                | 158                  | 40  | 50          | 68          |             |
|     | (CS2)                       | 5                          | 1               |               |                |                | 4               | 1  | 1           | 2           | 100               | 20                  |     |               |                | 20             | 80                   | 20  | 20          | 40          |             |
| 27  | Trường MN Hoa Mai           | 3                          | 1               |               |                | 1              | 2               |    | 1           |             | 75                | 25                  |     |               | 12             | 13             | 50                   | 13  | 12          | 25          |             |
| 28  | Trường MN Bước Vui          | 4                          | 1               |               |                | 1              | 3               | 1  | 1           | 1           | 110               | 25                  |     |               | 12             | 13             | 85                   | 25  | 30          | 30          |             |
| 29  | Trường MN Chú Voi Con       | 4                          | 2               |               |                | 1              | 2               |    | 1           |             | 100               | 35                  |     |               | 15             | 20             | 65                   | 15  | 20          | 30          |             |
| 30  | Trường MN Tp Tuổi Thơ (CS1) | 5                          | 1               |               |                | 1              | 4               | 1  | 2           | 1           | 135               | 25                  |     |               | 12             | 13             | 110                  | 25  | 50          | 35          |             |
|     | (CS2)                       | 6                          | 2               |               |                | 1              | 4               | 2  | 1           | 1           | 110               | 36                  |     |               | 18             | 18             | 74                   | 37  | 19          | 18          |             |
| 31  | Trường MN Ánh Bình Minh     | 3                          | 1               |               |                | 1              | 2               |    | 1           |             | 65                | 20                  |     |               | 10             | 10             | 45                   | 13  | 12          | 20          |             |

| STT  | Đơn vị                         | Số nhóm, lớp - Số học sinh |                 |               |                |                |                 |    |             |             |                   |                     |     |               |                |                |                      |     |             |             |             |
|------|--------------------------------|----------------------------|-----------------|---------------|----------------|----------------|-----------------|----|-------------|-------------|-------------------|---------------------|-----|---------------|----------------|----------------|----------------------|-----|-------------|-------------|-------------|
|      |                                | TS<br>nhóm<br>lớp          | Số nhóm nhà trẻ |               |                |                | Số lớp mẫu giáo |    |             |             | TS<br>học<br>sinh | Số học sinh nhà trẻ |     |               |                |                | Số học sinh mẫu giáo |     |             |             |             |
|      |                                |                            | TS              | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng  | TS | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi |                   | 5-6<br>tuổi         | TS  | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng       | TS  | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi | 5-6<br>tuổi |
| 32   | Trường MN Dầu Tây Đỏ           | 5                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 3  | 1           | 1           | 1                 | 100                 | 30  |               |                | 15             | 15                   | 70  | 25          | 25          | 20          |
| VIII | Phường Tân Phong               | 34                         | 8               | 0             | 0              | 3              | 5               | 26 | 9           | 8           | 9                 | 885                 | 175 | 0             | 0              | 50             | 125                  | 710 | 230         | 235         | 245         |
| 33   | Trường MN Ước Mơ               | 3                          | 1               |               |                | 1              |                 | 2  | 1           |             | 1                 | 75                  | 25  |               |                | 10             | 15                   | 50  | 15          | 15          | 20          |
| 34   | Trường MN Mỹ Phước             | 11                         | 2               |               |                |                | 2               | 9  | 3           | 3           | 3                 | 335                 | 50  |               |                |                | 50                   | 285 | 90          | 90          | 105         |
| 35   | Trường MN Ngôi Sao Tuổi Thơ    | 20                         | 5               |               |                | 2              | 3               | 15 | 5           | 5           | 5                 | 475                 | 100 |               |                | 40             | 60                   | 375 | 125         | 130         | 120         |
| XIX  | Phường Phú Thuận               | 32                         | 11              | 0             | 0              | 6              | 5               | 21 | 7           | 6           | 8                 | 780                 | 230 | 0             | 0              | 85             | 145                  | 550 | 150         | 195         | 205         |
| 36   | Trường MN Ngôi Nhà Trẻ Thơ     | 5                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 3  | 1           | 1           | 1                 | 110                 | 35  |               |                | 15             | 20                   | 75  | 25          | 25          | 25          |
| 37   | Trường MN Minh Phú             | 5                          | 2               |               |                |                | 2               | 3  | 1           | 1           | 1                 | 120                 | 40  |               |                |                | 40                   | 80  | 25          | 30          | 25          |
| 38   | TMN TTC Sài Gòn 3              | 5                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 3  | 1           | 1           | 1                 | 115                 | 40  |               |                | 20             | 20                   | 75  | 25          | 25          | 25          |
| 39   | Trường MN Khủng Long Nhỏ       | 7                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 5  | 1           | 2           | 2                 | 185                 | 40  |               |                | 20             | 20                   | 145 | 25          | 60          | 60          |
| 40   | Trường MN Khai Minh Trí        | 3                          | 1               |               |                | 1              |                 | 2  | 1           |             | 1                 | 80                  | 25  |               |                | 10             | 15                   | 55  | 15          | 15          | 25          |
| 41   | Trường MN Nhật Minh            | 4                          | 1               |               |                | 1              |                 | 3  | 1           | 1           | 1                 | 100                 | 25  |               |                | 10             | 15                   | 75  | 25          | 25          | 25          |
| 42   | Trường MN Hoa Thủy Tiên        | 3                          | 1               |               |                | 1              |                 | 2  | 1           |             | 1                 | 70                  | 25  |               |                | 10             | 15                   | 45  | 10          | 15          | 20          |
| X    | Phường Phú Mỹ                  | 55                         | 17              | 0             | 2              | 9              | 6               | 38 | 16          | 12          | 10                | 1279                | 318 | 0             | 25             | 125            | 168                  | 961 | 358         | 350         | 253         |
| 43   | Trường MN Ngôi Sao Nhỏ         | 4                          | 1               |               |                | 1              |                 | 3  | 1           | 1           | 1                 | 108                 | 23  |               |                | 10             | 13                   | 85  | 25          | 30          | 30          |
| 44   | Trường MN Thiên Thần Kỳ Nguyên | 8                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 6  | 2           | 2           | 2                 | 205                 | 35  |               |                | 15             | 20                   | 170 | 50          | 60          | 60          |
| 45   | Trường MN Bầu Trời Xanh        | 8                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 6  | 2           | 2           | 2                 | 200                 | 30  |               |                | 15             | 15                   | 170 | 50          | 60          | 60          |



| STT | Đơn vị                       | Số nhóm, lớp - Số học sinh |                 |               |                |                |                 |     |             |             |                   |                     |      |               |                |                |                      |      |             |             |             |
|-----|------------------------------|----------------------------|-----------------|---------------|----------------|----------------|-----------------|-----|-------------|-------------|-------------------|---------------------|------|---------------|----------------|----------------|----------------------|------|-------------|-------------|-------------|
|     |                              | TS<br>nhóm<br>lớp          | Số nhóm nhà trẻ |               |                |                | Số lớp mẫu giáo |     |             |             | TS<br>học<br>sinh | Số học sinh nhà trẻ |      |               |                |                | Số học sinh mẫu giáo |      |             |             |             |
|     |                              |                            | TS              | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng  | TS  | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi |                   | 5-6<br>tuổi         | TS   | 6-12<br>tháng | 13-18<br>tháng | 19-24<br>tháng | 25-36<br>tháng       | TS   | 3-4<br>tuổi | 4-5<br>tuổi | 5-6<br>tuổi |
| 46  | Trường MN Hành Tinh Xanh     | 9                          | 4               |               | 1              | 1              | 2               | 5   | 2           | 2           | 1                 | 188                 | 75   |               | 15             | 20             | 40                   | 113  | 50          | 60          | 3           |
| 47  | Trường MN Vườn Nắng          | 8                          | 3               |               | 1              | 1              | 1               | 5   | 2           | 2           | 1                 | 150                 | 45   |               | 10             | 15             | 20                   | 105  | 40          | 40          | 25          |
| 48  | Trường MN Nụ Cười            | 5                          | 2               |               |                | 1              | 1               | 3   | 2           | 1           |                   | 115                 | 35   |               |                | 15             | 20                   | 80   | 50          | 30          |             |
| 49  | Trường MN Nhóc Trùm          | 3                          | 1               |               |                | 1              |                 | 2   | 1           |             | 1                 | 75                  | 30   |               |                | 15             | 15                   | 45   | 15          | 15          | 15          |
| 50  | Trường MN Con Mèo Vàng (CS1) | 5                          | 1               |               |                | 1              |                 | 4   | 2           | 1           | 1                 | 140                 | 25   |               |                | 10             | 15                   | 115  | 50          | 30          | 35          |
|     | (CS2)                        | 5                          | 1               |               |                | 1              |                 | 4   | 2           | 1           | 1                 | 98                  | 20   |               |                | 10             | 10                   | 78   | 28          | 25          | 25          |
|     | Tổng cộng                    | 311                        | 85              | 0             | 3              | 46             | 36              | 226 | 82          | 67          | 77                | 7378                | 1628 | 0             | 30             | 596            | 1002                 | 5750 | 1784        | 1953        | 2013        |

Ghi chú:  : là nhóm, lớp ghép 2 độ tuổi

Tổng cộng : 50 trường (trong đó có 06 cơ sở lẻ)

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Thị Cẩm Hồng



Đặng Nguyễn Thịnh

